

Họ và tên: _____ Lớp: _____

PHIẾU TOÁN CUỐI TUẦN 4

1. Tính

$$\begin{array}{r} 23 \\ \times 3 \\ \hline \square \end{array}$$


$$\begin{array}{r} 34 \\ \times 2 \\ \hline \square \end{array}$$


$$\begin{array}{r} 12 \\ \times 4 \\ \hline \square \end{array}$$


2. Điền số thích hợp vào ô trống :

$$\begin{array}{r} 2\square \\ \times 3 \\ \hline \square 3 \end{array}$$



$$\begin{array}{r} \square 2 \\ \times 3 \\ \hline 6\square \end{array}$$



3. Nối phép toán 13×3 với tổng phù hợp:

$$13 \times 3$$

$$13 + 13$$

$$13 + 13 + 13$$

$$13 + 13 + 13 + 13$$

$$13 + 3$$

4. Kéo chọn dấu thích hợp điền vào chỗ trống: < ; > ; =

a) 12×2 2×12

b) $11 \times 6 + 46$ 2×50



5. Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) $33\text{cm} \times 2 = 66$ ☐

b) $23\text{cm} \times 3 = 56\text{cm}$ ☐

c) $22\text{cm} \times 4 = 88\text{cm}$ ☐

6. Khối lớp Ba của một trường tiểu học có 3 lớp, mỗi lớp có 32 học sinh.

a) Hỏi khối lớp Ba của trường đó có bao nhiêu học sinh?

b) Biết khối lớp 2 của trường đó có 89 học sinh. Hỏi khối lớp Ba nhiều hơn khối lớp Hai bao nhiêu học sinh?

Giải

Số học sinh khối lớp Ba của trường đó có là:

_____ = _____ (học sinh)

Số học sinh khối lớp Ba nhiều hơn khối lớp Hai là:

_____ = _____ (học sinh)

Đáp số: a) _____

b) _____

